

Light

ECODESERT S1P MID

ECODESERT

Giày bảo h ộ **Eco Extra Wide S1P**

ECODESERT đ ợc ch ế t o v i **thân giày tái** ch **ế thoáng khí**, nh **ẹ** l **ạ** ó h ơn l . **Giày** c ổ l ử n g này mang đ ế **đáng tin** c ậ y trong **m ôi kh ắc kh** ắ **c** n ặng bao g ồ m **mũi giày** b ằ n g **thép**, đ **ế thép** ch ố n g đâm th ủ n g và đ ế **ngoài** c h ố n g t

Những vật liệu cao cấp h ơ	canvas tái ch ế (50% tái ch ế) (83% tái ch ế)
lót bên trong	i canvas tái ch ế (50% tái ch ế)
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái ch ế (96% v ậ t li ệ u tái ch ế)
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	PU / PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S1 P / SR, FO
Phạm vi kích th ớ c	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng t **hép**	0.662 kg
ẩn h **ó** u chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022



AH6



BLK



KHA



SRC
r ớ c là m ộ t trong nh ữ ng tính n ă ng **quan** tr ọ ng và giày b ả o h ộ **SRC** ph ả i v ượ t qua c ả hai bài r ớ t **SRA** và **SRB**, chúng đ ượ c ki ể m tra trên c ả b ề m ặ t **thép** và g ố m.



thép
đâm th ủ ng đ ượ c làm b ằ ng **thép** không g ỉ và ng ă n c á c x â m nh ậ p t ừ đ ế **ngoài**.



Mũi giày an toàn b ằ ng **thép**
Giá đ ỡ **mũi** ch â n



tĩnh đi ệ n
Giày ch ố ng **tĩnh** đi ệ n ng ă n ch ặ n s ự t í c h t ụ đi ệ n tích t ừ ph ầ n b ả o r ằ ng **chúng** đ ượ c **cách** hi ệ u â n 100 kiloOhm và 1 GigaOhm



SJ BỌ
lót chân



SJ-3-Fit
cách đi ề u ch ỉ n h giày Safety Jogger t h á o nhau.

Công nghiệp n:

lĩnh vự c ô tô, Xây dự n g, Ngành công n g hiệp, hậ

ường: **Môi** t

b ề mặt **không** bằn g phẳn g, **môi** khô

Cac hương **dân ba#o tri:**

éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằn phẳ cách hàn hiệ Không trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l	**canvas tái** ch ế **(50% tái** ch ế), Vế **(83% tái** ch ế) **cao** cấp h ơn					
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	7.1		ờ	mg/cm/g
	Top: h nuệ số ớ	? 15	57.5			mg/cm2
ót bên trong	**canvas tái** ch ế **(50% tái** ch ế)					
	L ớp **lót:** ấm ớ	? 2	10.7		ờ	mg/cm/g
	lót: h nuệ số ớ	? 20	87.8			mg/cm2
rong	Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)					
	ệ m chân Đ ố n g mài mòn (khô/ ớ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài	Đ **PU / PU**					
	Ch ố m ả g mài mòn ế g ngoài (	? 150	Relative volume loss:0.9g/ cm³ (Density:0.98)			mm
	Ch ơ ố c ơ bản - Ceramic + NaLS - Tr ơ ó v ề phía t	? 0.31	0.48			ma sát
	r Ch ố ả g + G ố m + NaLS - Tr ơ lù v ề phía t	? 0.36	0.49			ma sát
	r Ch SR g + Glycerin - Tr ơ ó v ề phía t	? 0.19	0.21			ma sát
	Ch ơ ố c SR g G ố m + Glycerin - T ơ ó v ề phía t	? 0.22	0.24			ma sát
	ị ch ố Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	26.5			megaohm
	ị ESD Giá t	0.1 - 100	N/A			megaohm
	Hấp thụ năng l a ó chân ủ	? 20	40			J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14	17.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	23.0			mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, không có sự thay thế và nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

Đ g

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
CO#	**phát** thả				
	V ật l iệu		6.25		kg
	Bao bì		0.12		kg
			6.37 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		15%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán trực tuyến và có thể thay đổi.